|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TX ĐÔNG TRIỀU  **TRƯỜNG MẦM NON HỒNG PHONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |
|  | *Hồng Phong, ngày 28 tháng 08 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**NĂM HỌC 2024-2025**

**LỚP 3-4 Tuổi B**

Số lượng trẻ: 21 trẻ

Số giáo viên: 02 giáo viên,

Tên giáo viên: Phạm Thị Hoa, Trần Thị Thu.

Căn cứ kế hoạch số 340 /KH-MNHP ngày 21/08/2024 Kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục nhà trường độ tuổi 3-4 tuổi năm học 2024 -2025 của Trường Mầm non Hồng Phong

Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, nhu cầu và khả năng thực tế của trẻ lớp 3 tuổi B xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 như sau.

**I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG & GIÁO DỤC.**

**1. Mục tiêu, nội dung chăm sóc nuôi dưỡng**

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** |
| **Tổ chức ăn** | |
| **MT 1:** Trẻ được Ăn đủ bữa ăn: 1 bữa chính và 1 bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. | - Ăn một bữa chính vào buổi trưa và một bữa phụ vào buổi chiều.  - Ăn theo thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất.  *+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:*Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.  + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*  Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% -20% năng lượng khẩu phần.  Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% -40% năng lượng khẩu phần  Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.  - Uống đủ nước: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). |
| **Tổ chức ngủ** | |
| **MT 2**: Trẻ được Ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn. | - Tổ chức cho trẻ Ngủ một giấc buổi trưa từ 11h30 – 13h45 thời gian 150 phút.  - Phòng ngủ vệ sinh sạch sẽ đảm bảo các điều kiện phù hợp với thời tiết an toàn với trẻ |
| **Vệ sinh** | |
| **MT 3:** Trẻ Biết vệ sinh cá nhân : rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định. | - Vệ sinh cá nhân đúng cách:  + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động...  + Rửa mặt  + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Vệ sinh môi trường: |
| **MT 4:** Trẻ biết giữ gìn, bảo vệ và vệ sinh Môi trường trong và ngoài lớp học | - Vệ sinh môi trường:  + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng.  + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần |
| **Chăm sóc sức khỏe và an toàn** | |
| **MT 5:** Trẻ được chăm sóc sức khỏe và an toàn, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:  + Cân nặng:  Trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg  Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg  + Chiều cao:  Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm  Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm  - Giảm tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân và thấp còi xuống 1% so với đầu năm học , khống chế trẻ béo phì | - Khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ 2 lần/năm (tháng 09 và 03).  - Cân đo cho trẻ theo qui định: cân 3 tháng 1 lần; đo 3 tháng 1 lần.  - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khoẻ trẻ trên biểu đồ tăng trưởng, theo dõi trẻ thừa cân, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi  - Có giải pháp kịp thời phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, béo phì. |
| **MT 6**: Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp. Tiêm chủng theo quy định. | - Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu…).  - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế. |
| **MT 7:** Trẻ được đảm bảo Phòng tránh một số tai nạn thương tích | - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.  - Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ. |

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC**

**2. Mục tiêu, nội dung giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | | | | | **NỘI DUNG** |
| **1. Lĩnh vực phát triển thể chất**  **1.1.Phát triển vận động** | | | | | |
| **Thực hiện được các động tác phát triển cơ và hô hấp** | | | | | |
| **MT8**: Thực hiện *đúng*, đủ các động tác trong bài tập theo hướng dẫn.  ***Thực hiện đủ các động tác trong bài tập theo nhạc bài hát.*** | | | | | - Hô hấp: Hít vào, thở ra.  - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên  + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực  - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước  + Quay sang trái, sang phải  + Nghiêng người sang trái, sang phải  - Chân:  + Bước lên phía trước, bước sang ngang  + Ngồi xổm, đứng lên. Co duỗi chân  + Bật tại chỗ |
| **Thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các các tố chất trong vận động.** | | | | | |
| **MT9**: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)  - Đi kiễng gót liên tục 3 m | | | | | - Đi kiễng gót.  - Đi trong đường hẹp.  ***- Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.*** |
| **MT10:** Kiểm soát được vận động đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.  - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. | | | | | - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh  - Đi, chạy thay đối hướng theo đường dích dắc |
| **MT11**: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động  - Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng ( khoảng cánh 2,5 m)  - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm). | | | | | - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.  - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.  - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền  - Tung bóng lên cao bằng 2 tay |
| **MT12**: Trẻ thực hiện bật xa tới thiểu 25 cm | | | | | - Bật tại chỗ.  - Bật về phía trước.  - Bật xa 20-25 cm. |
| **MT13:** Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, nhẹn khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.  - Ném trúng đính ngang ( xa 1,5 m)  - Bò trong đường hẹp ( 3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. | | | | | - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.  - Ném trúng đích ngang.  - Ném trúng đích bằng 1 tay.  - Ném xa bằng 1 tay, ***Ném xa bằng 2 tay.***  - Bò, trườn, trèo theo hướng thẳng, dích dắc.  - Bò chui qua cổng; Bò trong đường hẹp  ***- Bò chui qua ống dài 1mx0,6m***  - Trườn về phía trước  - Bước lên xuống bậc cao( 30cm). |
| **- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt** | | | | | |
| **MT14**: Trẻ thực hiện được các vận động:  - Xoay tròn cổ tay.  - Gập, đan ngón tay vào nhau. | | | | | - Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.  - Đan, tết. |
| **MT15:** Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. | | | | | - Xé, dán giấy.  - Sử dụng kéo, bút.  - Tô vẽ nguệch, ngoạc.  - Cài, cởi cúc áo.  - Xếp chồng các hình khối khác nhau. |
| **1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.** | | | | | |
| **Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe** | | | | | |
| **MT16:** Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc ảnh ( thịt, cá, trứng, sữa, rau…) | | | | | - Một số thực phẩm quen thuộc. |
| **MT17**: Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau… | | | | | - Một số món ăn quen thuộc  ***- Một số món ăn và thực phẩm đặc sản của địa phương Hồng Phong (gạo nếp cái hoa vàng,…)*** |
| **MT18:** Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | | | | | - Một số bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất.  - Lựa chọn thực phẩm lành mạnh; Từ chối thực phẩm không lành mạnh; ăn uống đủ chất, cân đối, thử thức ăn mới, uống nhiều nước, ăn sáng  - Ăn uống đầy đủ, hợp lý và lành mạnh: ăn sáng, đồ ăn lành mạnh khi đi ăn ở ngoài… |
| **Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | | | | | |
| **MT19:** Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. | | | | | - Làm quen với cách đánh răng, lau mặt  - Tập rửa tay bằng xà phòng  - Rửa tay, lau măt, súc miệng.  - Tháo tất, cởi quần, áo…  - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh |
| **MT20:** Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc, đúng cách. | | | | | - Sử dụng ca, cốc, bát thìa đúng cách. |
| **Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe** | | | | | |
| **MT21**: Trẻ có một số hành vi tốt, trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi….  ***Biết một số hành vi chưa tốt trong ăn uống: Nhổ bậy, nhặt đồ rơi vãi ăn, uống nước chưa đun sôi, ăn quà vặt không lành mạnh…*** | | | | | - Một số hành vi liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…  - ***Vệ sinh văn minh trong ăn uống.***  ***- Một số hành vi chưa tốt ảnh hưởng đến sức khoẻ.***  ***- Học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi, lịch sự khi ăn uống.*** |
| **MT22:** Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: | | | | | - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe  - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người  - Trang phục theo thời tiết  - Một số biểu hiện khi ốm  - Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu |
| **- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** | | | | | |
| **MT23**: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm  ( bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng…) khi được nhắc nhở. | | | | | - Một số vật dụng nguy hiểm và phòng tránh xa (phích nước nóng, ổ cắm điện, bếp đang nấu…  - Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. |
| **MT24:** Biết tránh nơi không an toàn, nguy hiểm ( hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi…) khi được nhắc nhở. | | | | | - Những nơi không an toàn, nguy hiểm và cách phòng tránh : ao, hồ, bể nước, giếng, hố vôi…. |
| **MT 25**: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở. | | | | | - Những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật vật sắc nhọn gây nguy hiểm đến tính và phòng tránh.  - Không đùa cợt trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt…  - Không tự lấy thuốc uống.  - Không leo trèo bàn ghế, lan can  - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp  *- Cách chơi an toàn, các trò chơi lành mạnh.* |
| **2. Lĩnh vực phát triển nhận thức**  **2.1.Khám phá khoa học** | | | | | |
| **- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng** | | | | | |
| **MT26:** Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. | | | | | - Sự vật: Con người, đồ vật, con vật, cây cối.  - Hiện tượng tự nhiên: Thời tiết mùa, ngày và đêm, nước, áng sáng, đất đá cát sỏi.  ***- Tìm hiểu các yếu tố thời tiết khác nhau. Nghe dự báo và xem hình minh họa thời tiết vừa tạo. (Ngôi nhà khoa học của Sammy - Máy tạo thời tiết)*** |
|  | | | | **MT26.1:** Trẻ quan tâm, hứng thú với các giác quan và một số bộ phận khác, như chăm chú quan sát hay đặt câu hỏi về các giác quan và một số bộ phận cơ thể con người. | - Tên gọi, chức năng, của các giác quan như: Vị giác, khứu giác, thị giác, thính giác, xúc giác và cách bảo về các giác quan.  - Một số bộ phận khác của cơ thể như răng, miệng, bộ não và học một số cách đơn giản bảo vệ chúng. |
|  | | | | **MT26.2:** Trẻ quan tâm, hứng thú với đồ dùng, đồ chơi gần gũi, như chăm chú quan sát hay đặt câu hỏi về đồ dùng, đồ chơi. | - Tên, đặc điểm nổi bật đồ dùng, đồ chơi.  - Công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. |
|  | | | | **MT26.3:** Trẻ quan tâm, hứng thú với một số phương tiện giao thông quen thuộc, như chăm chú quan sát hay đặt câu hỏi về một số phương tiện giao thông quen thuộc. | - Tên, đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.  - Nơi hoạt động của một số phương tiện giao thông quen thuộc. |
|  | | | | **MT26.4:** Trẻ quan tâm, hứng thú với một số con vật, cây, hoa, quả quen thuộc, như chăm chú quan sát hay đặt câu hỏi về một số con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. | - Tên, đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.  - Mối liên hệ đơn giản, giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống.  - Cách chăm sóc con vật, cây gần giũi. |
|  | | | | **MT26.5:** Trẻ quan tâm, hứng thú với thời tiết, mùa, như chăm chú quan sát hay đặt câu hỏi về thời tiết, mùa.  ***Thông qua Phần mềm KIDS MART*** | - Hiện tượng nắng, mưa nóng lạnh, và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.  ***- Tìm hiểu các yếu tố thời tiết khác nhau. Nghe dự báo và xem hình minh họa thời tiết vừa tạo. (Ngôi nhà khoa học của Sammy - Máy tạo thời tiết)*** |
|  | | | | **MT26.6:** Trẻ quan tâm, hứng thú với một số dấu hiệu ngày và đêm như chăm chú quan sát hay đặt câu hỏi về một số dấu hiệu ngày và đêm. | - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. |
|  | | | | **MT26.7:** Trẻ quan tâm, hứng thú với một số nguồn nước như chăm chú quan sát hay đặt câu hỏi về một số nguồn nước. | - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.  - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. |
|  | | | | **MT26.8:** Trẻ quan tâm, hứng thú với một số nguồn ánh sáng như chăm chú quan sát hay đặt câu hỏi về một số nguồn ánh sáng. | - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.  - Ích lợi của ánh sáng với đời sống con người, con vật, cây. |
|  | | | | **MT26.9:** Trẻ quan tâm, hứng thú với đất, đá, cát, sỏi như chăm chú quan sát hay đặt câu hỏi về đất, đá, cát, sỏi | - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. |
| **MT27**: Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.  ***Thông qua* PHẦN MỀM HAPPY KID** | | | | | - Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể  *- Các bộ phận trên cơ thể; biết được đâu là chỗ/khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm.*  ***- Hình dạng kích thước: dài, ngắn, to, nhỏ, tròn, nhọn.***  ***- Bộ phận cơ thể: tay, chân, tóc, mũi, miệng. (Người bạn ngộ nghĩnh)*** |
| **MT28:** Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. | | | | | - Các thử nghiệm : Chìm - nổi; Vì sao ngọn nến tắt; Cây cần gì để lớn lên và phát triển, chong chóng gió… |
| **MT29:** Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. | | | | | - Làm một số thí nghiệm đơn giản  - Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. |
| **MT30:** Trẻ biết phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật  ***Thông qua Bàn tương tác thông minh efun Table ( Quả táo)*** | | | | | - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi  - Tên đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.  - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.  ***- Chọn hình trang phục, đồ dùng, con vật.. khác so với các hình còn lại Trò chơi: Kids Bazain Trainerfull – Piffere*** |
| **- Nhận biết môi quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tương và giải quyết vấn đề đơn giản** | | | | | |
| **MT31:** Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.  ***Thông qua Bàn tương tác thông minh efun Table (Quả táo)*** | | | | | - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.  - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.  ***- Chọn hình ảnh đặc điểm con vật về hình dạng, màu sắc, nơi sống… cho phù hợp***  ***- Nối bóng của các con vật, đồ vật… cho phù hợp (Trò chơi: Kids Bazain Trainerfull- Match It)*** |
| **Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau** | | | | | |
| **MT32**: Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo  ***Thông qua Bàn tương tác thông minh efun Table (Quả táo)*** | | | | | - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi  - Tên đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.  - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.  ***- Chọn hình ảnh, biểu cảm, cảm xúc cho phù hợp (Trò chơi: Kids Bazain Trainerfull - Match It)*** |
| **MT33**: Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình… | | | | | - Các vai của trò chơi đóng vai theo chủ đề, các hoạt động âm nhạc, tạo hình. |
| **2.2.Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** | | | | | |
| **- Nhận biết, đếm, số lượng** | | | | | |
| **MT34**: Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.  ***Thông qua* Bàn tương tác thông minh efun Table (Quả táo)** | | | | | - Đểm theo khả năng.  ***- Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ và tô theo yêu cầu của giáo viên (Trò chơi: 123 Numbes)*** |
| **MT35:** Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. | | | | | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 |
|  | | | **MT35.1:** Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 2. | | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 2  - Nhận biết số lượng 2 |
|  | | | **MT35.2:** Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 3. | | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 3  - Nhận biết số lượng 3 |
|  | | | **MT35.3:** Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 4. | | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 4  - Nhận biết số lượng 4 |
|  | | | **MT35.4:** Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. | | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5  - Nhận biết số lượng 5 |
| **MT36:** Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | | | | | - 1 và nhiều  *- So sánh hai nhóm bằng nhau về số lượng.*  *- So sánh nhiều hơn, ít hơn.* |
| **MT37:** Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. | | | | | - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm cùng loại có tổng trong phạm vi 5. |
|  | | **MT37.1:** Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 2. | | | - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm cùng loại có tổng trong phạm vi 2. |
|  | | **MT37.2:** Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 3. | | | - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm cùng loại có tổng trong phạm vi 3. |
|  | | **MT37.3:** Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 4. | | | - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm cùng loại có tổng trong phạm vi 4. |
| **T38:** Trẻ biết tách một nhóm đôí tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. | | | | | - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. |
|  | **MT38.1:** Trẻ biết tách một nhóm đôí tượng có số lượng trong phạm vi 2 thành hai nhóm. | | | | - Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn. |
|  | **MT38.2:** Trẻ biết tách một nhóm đôí tượng có số lượng trong phạm vi 3 thành hai nhóm | | | | - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.  - Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn. |
|  | **MT38.3:** Trẻ biết tách một nhóm đôí tượng có số lượng trong phạm vi 4 thành hai nhóm | | | | - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.  - Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn. |
|  | **MT38.4:** Trẻ biết tách một nhóm đôí tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm | | | | - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.  - Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn. |
| **- Sắp xếp theo quy tắc** | | | | | |
| **MT39**: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản ( mẫu) và sao chép lại. | | | | | - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi  - Xếp xen kẽ |
| **- So sánh, phân loại** | | | | | |
| **MT40 :** Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn: dài hơn/ ngắn hơn: cao hơn/ thấp hơn: bằng nhau. | | | | | - So sánh hai nhóm bằng nhau về kích thước.  - So sánh to hơn, nhỏ hơn.  - So sánh dài hơn, ngắn hơn.  - So sánh cao hơn, thấp hơn.  - So sánh hai đối tượng về kích thước,  - Phân thành nhóm theo dấu hiệu màu sắc, kích thước, hình dạng. |
| **Nhận biết hình dạng** | | | | | |
| **MT41**: Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.  *Trẻ có thể sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản*  ***Thông qua Phần mềm KIDS MART*** | | | | | - Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.  - Sử dụng các hình học để chắp ghép.  *- Sử dụng các vật liệu khác nhau: dây chun, hột hạt, đất nặn…để tạo các hình đơn giản.*  ***- Chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo một mẫu thiết kế. ( Ngôi nhà chuột: Ngôi nhà toán học của Millie).*** |
| **Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian** | | | | | |
| **MT42:** Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tưởng trong không gian so với bản thân.  ***Thông qua Phần mềm KIDS MART*** | | | | | - Phía trên- phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải- tay trái của bản thân  ***- Sử dụng các phương hướng chính bằng cách điều khiển chú kiến háu ăn sang trái, phải, về trước hoặc tiến sang phía nam, bắc, đông, tây ( Ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY Truy tìm hạt mứt đậu)*** |
| **Khám phá xã hội** | | | | | |
| **Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng** | | | | | |
| **MT43:** Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | | | | | - Tên, tuổi, giới tính *sở thích* của bản thân  - Được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.  - Cơ thể mỗi người cần được tôn trọng kể cả người khuyết tật.  - Quyền của mỗi người trong việc quyết định ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được phép. |
| **MT44:** Trẻ nói được tên, của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. | | | | | - Tên của bố, mẹ, những người thân trong gia đình. |
| **MT45:** Trẻ biết được tên địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình | | | | | - Tên, công việc của một nghề quen thuộc |
| **MT46:** Trẻ nói được tên lớp/ tên trường, cô giáo, ban, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | | | | | - Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo  .- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường |
| **Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương** | | | | | |
| **MT47:** Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng… khi được hỏi, xem tranh | | | | | - Tên, sản phẩm ích lợi của của một số nghề phổ biến |
| **- Nhận biết một số lễ hội danh lam thắng cảnh** | | | | | |
| **MT48:** Trẻ có thể kể tên một số lễ hội : Ngày khai giảng, tết Trung thu, lễ hội đình chùa …qua trò chuyện, tranh ảnh. | | | | | - Tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm |
| **MT49:** Trẻ có thể tên một vài danh lam thẳng cảnh ở địa phương. | | | | | - Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương. |
| **3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | | | | | |
| **- Nghe hiểu lời nói** | | | | | |
| **MT50:** Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản, Ví dụ: “ Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ” | | | | | *- Nghe chăm chú, tích cực, hợp tác và phản hồi khi nghe.*  - Nghe, hiểu và làm *theo 2-3* yêu cầu đơn giản |
| **MT51:** Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả… | | | | | - Nghe, hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, thể hiện gần gũi, quen thuộc. |
| **MT52:** Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại. | | | | | - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.  *- Nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.* |
| **Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày** | | | | | |
| **MT53:** Trẻ biết nói rõ các tiếng | | | | | - Phát âm các tiếng của tiếng việt  - Nói rõ ràng |
| **MT54:** Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm… | | | | | - Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động |
| **MT55**: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép. | | | | | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng  - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng  - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”  *- Sử dụng cách nói “có”/ “không” hoặc thể hiện thái độ qua phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, thái độ, hành vi) một cách rõ ràng nhằm bảo vệ quyền riêng.* |
| **MT56:** Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim…. | | | | | - Kể lại được sự việc |
| **MT57**: Trẻ đọc thuộc bài thơ đồng dao, ca dao | | | | | - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè |
| **MT58**: Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của người lớn | | | | | - Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của giáo viên |
| **MT59:** Bắt chước giọng nói của nhận vật trong truyên. | | | | | - Nghe sử dụng các từ biểu cảm  - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe |
| **MT60:** Trẻ sử dụng được các từ: vâng ạ”..” Dạ”: “ Thưa”.. trong giao tiếp. | | | | | - Nghe sử dụng các từ biểu thị, lễ phép |
| **MT61**: Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí. | | | | | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp |
| **Làm quen với việc đọc và viết** | | | | | |
| **MT62**: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh. | | | | | - Tiếp xúc với sách truyện  - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau |
| **MT63:** Trẻ biết cầm sách để xem. | | | | | - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện  - Giữ gìn, bảo vệ sách  - Được tiếp xúc với chữ, sách truyện  - Làm quen với cách đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới |
| **MT64**: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. | | | | | - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ |
| **MT65**: Trẻ thích vẽ, “ viết” nghệch ngoac. | | | | | - Làm quen với cách viết tiếng việt  - Hướng viết của các nét chữ |
| **MT66:** Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống | | | | | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ, …) |
| **4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội** | | | | | |
| **Thể hiện ý thức về bản thân** | | | | | |
| **MT67**: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. | | | | | - Tên, tuổi, giới tính  - Một số thông tin quan trọng về bản thân  *- Yêu thương bản thân; tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác.* |
| **MT68**: Trẻ nói được điều bé thích hay không thích | | | | | - Những điều bé thích, không thích.  *- Những hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác.* |
| **- Thể hiện sự tự tin, tự lực** | | | | | |
| **MT69:** Trẻ thể hiện mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi | | | | | - Tham gia các hoạt động múa hát, tập thể dục, chơi đồ chơi… cùng bạn  - Trả lời câu hỏi của cô giáo |
| **MT70:** Cố gắng thực hiện công viêc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi…) | | | | | - Chấp nhận sự phân công của người lớn  - Thực hiện công việc đơn giản được cô giáo giao |
| **- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh** | | | | | |
| **MT71**: Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. | | | | | - Một số trạng thái, cảm xúc ( vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói |
| **MT72:** Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | | | | | - Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động |
| **MT73**: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ. | | | | | - Kính yêu Bác Hồ |
| **MT74:** Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | | | | | - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ |
| **- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội** | | | | | |
| **MT75**: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. | | | | | - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) |
| **MT76:** Trẻ biết yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột | | | | | - Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột |
| **MT77**: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở… | | | | | - Có cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)  - Những hành vi đúng, sai, tốt, xấu. |
| **MT78**: Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói. | | | | | - Lắng nghe ý kiến của người khác |
| **MT79**: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. | | | | | - Chơi hòa thuận, *vui vẻ với tất cả các bạn và người khác( không kể giới tính, đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh…)*  - Chờ đến lượt.  *- Cở mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.* |
| **- Quan tâm đến môi trường** | | | | | |
| **MT80:** Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. | | | | | - Bảo vệ, chăm sóc cây cối, con vật. |
| **MT81:** Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định. | | | | | - Giữ gìn vệ sinh môi trường không vứt rác bừa bãi. |
| **MT82:** Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra ngoài | | | | | - Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt |
| **5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ** | | | | | |
| **Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật** | | | | | |
| **MT83**: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. | | | | | - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật |
| **MT84**: Trẻ chú ý nghe, thích đươc hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ: thích nghe kể câu chuyện. | | | | | - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau  - Có thái độ vui tươi, thích thú hoặc buồn…thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm của bài hát, bản nhạc, thơ, ca dao, tục ngữ, hò vè |
| **MT85**: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | | | | | - Thể hiện thái độ tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm tạo hình |
| **Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình** | | | | | |
| **MT86**: Trẻ hát tự nhiện, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. | | | | | - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên |
| **MT87:** Trẻ thực hiện vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc( vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa) | | | | | - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát, bản nhạc.  *- Nghe các bản nhạc nước ngoài* |
| **MT88**: Trẻ biết sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | | | | | - Sử dụng *phối hợp* các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. |
| **MT89:** Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.  ***Thông qua bàn tương tác thông minh efun Table ( Quả táo)*** | | | | | - Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản  ***- Vẽ các con vật với các nét gợi ý (Trò chơi: ABC DRAW)*** |
| **MT90**: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản | | | | | - Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản |
| **MT91**: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có một khối hoặc hai khối. | | | | | - Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản |
| **MT92**: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản | | | | | - Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản |
| **MT93**: Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình. | | | | | - Nhận xét sản phẩm tạo hình |
| **-Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật( Âm nhạc, tạo hình)** | | | | | |
| **MT94:** Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc | | | | | - Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. |
| **MT95**: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | | | | | - Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích, *theo khả năng và sự sang tạo của bản thân, như là một cách để thể hiện bản thân mỗi đứa trẻ* |
| **MT96:** Trẻ biêt đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | | | | | *- Ý thức giữ gìn, bảo vệ, tôn trọng sản phẩm nghệ thuật.*  - Đặt tên cho sản phẩm của mình |

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THEO QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC TOÀN DIỆN, TÍCH HỢP, LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM**

Căn cứ hướng dẫn Chương trình GDMN của Bộ giáo dục và đào tạo; chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”, Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN năm 2023. Căn cứ vào chương trình GD nha trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm Lớp 3 Tuổi A linh hoạt mạnh dạn, lựa chọn và sáng tạo trong xây dựng môi trường giáo dục trang trí lớp, chuẩn bị nguồn học liệu phong phú, dễ tìm trong thiên nhiên, thân thiện với môi trường và tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm, áp dụng các phương pháp giáo dục từ các nước tiên tiến phù hợp với tình hình trẻ tại lớp như: Steam,… để giúp cho trẻ có nhiều cơ hội trải nghiệm, sáng tạo, và khơi mở những tiềm năng ở giai đoạn vàng.

Sử dụng nguồn học liệu từ chương trình “Tôi yêu Việt Nam” vào hoạt động chiều hàng tuần để rèn luyện và hình thành kĩ năng An toàn giao thông cho trẻ. Và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chuyên đề “Bảo vệ môi trường” và “Ứng phó với biến đổi khí hậu” vào trong các hoạt động giáo dục.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, có sự tham gia của cha mẹ học sinh nhằm nâng cao công tác phối hợp với xã hội, gia đình vào trong chương trình giáo dục mầm non, đúng với quan điểm “Giờ học hạnh phúc - giờ chơi sáng tạo” nhằm thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm như hội Tết Trung Thu, Chào mừng 20/11, Ngày 22/12, Tết Nguyên Đán, Hội Thi…..

Ngoài ra thực hiện lồng ghép các nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” thông qua việc phát huy giá trị lịch sử. Việc dạy lồng ghép các nội dung được thực hiện trong các hoạt động tham quan dã ngoại, trong các hoạt động vui hội ở lớp, cuộc thi vẽ tranh, trong ngày hội của trường, hoạt động hằng ngày, Hoạt động kỹ năng sống, Kỹ năng tự phục vụ… một cách phù hợp.

**III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH.**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**IV. CHỦ ĐỀ DỰ KIẾN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **THỨ TỰ** | | **TÊN CHỦ ĐỀ DỰ KIẾN** | **SỐ TUẦN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN** |
| **1** | **Trường Mầm Non** | | **3 tuần( Từ ngày 09/9/2024 đến 27/9/2024)** |
| 1 | Trường mầm non Hồng Phong | 1 tuần ( từ 09/9/2024 đến 13/9/2024) |
| 2 | Tết Trung thu | 1 tuần ( từ 16/9/2024 đến 20/9/2024) |
| 2 | Lớp 3 tuổi A thân yêu của bé | 1 tuần ( từ 23/9/2024 đến 27/9/2024) |
| **2** | **Bản thân bé** | | **3 tuần ( Từ 30/9/2024 đến 18/10/2024)** |
| 3 | Bé là ai | 1 Tuần ( Từ 30/9/2024 đến 04/10/2024) |
| 4 | Bé khác bạn như thế nào | 1 tuần ( từ 07/10/2024 đến 11/10/2024) |
| 5 | Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh | 1 tuần ( từ 14/10/2024 đến 18/10/2024) |
| **3** | **Gia đình** | | **4 tuần( Từ 21/10/2024 đến 15/11/2024)** |
| 7 | Những người thân yêu của bé | 1 tuần ( từ 21/10/2024 đến 25/10/2024) |
| 8 | Ngôi nhà của bé. | 1 tuần ( từ 28/10/2024 đến 01/11/2024) |
| 9 | Đồ dùng trong gia đình | 1 tuần ( từ 04/10/2024 đến 08/11/2024) |
| 10 | Những ngày vui trong gia đình | 1 tuần ( từ 11/11/2024 đến 15/11/2024) |
| **4** | **Những nghề bé biết** | | **4 tuần( Từ 18/11/2024 đến 13/12/2024)** |
| 11 | Nghề giáo viên ( Ngày 20/11) | 1 tuần ( từ 18/11/2024 đến 22/12/2024) |
| 12 | Nghề Bác sĩ ( Chăm sóc sức khoẻ) | 1 tuần ( từ 25/11/2024 đến 29/11/2024) |
| 13 | Nghề xây dựng | 1 tuần ( từ 02/12/2024 đến 06/12/2024) |
| 14 | Nghề nông nghiệp | 1 tuần ( từ 09/12/2024 đến 13/12/2024) |
| **5** | **Những con vật bé biết** | | **4 tuần ( từ 16/12/20234 đến 10/01/2025)** |
| 15 | Em yêu chú bộ độị | 1 tuần ( từ 16/12/2024 đến 20/12/2024) |
| 16 | Một số động vật lớp chim | 1 tuần ( từ 23/12/2024 đến 27/12/2024) |
|  | 17 | Một số động vật lớp thú. | 1 tuần ( từ 30/12/2024 đến 03/01/2025) |
| 18 | Một số động vật lớp cá. | 1 tuần ( từ 06/01/2025 đến 10/01/2025) |
| **6** | **Thế giới thực vật**  **.** | | **4 tuần ( Từ 13/01/2025 đến 21/02/2025)** |
| 19 | Em yêu cây xanh | 1 tuần ( từ 13/01/2025 đến 17/01/2025) |
| 20 | Ngày tết trên quê em | 1 tuần ( từ 20/01/2025 đến 24/01/2025 ) |
| ***Nghỉ tết nguyên đán (Từ 27/01/2025 đến 08/02/2025)*** | | |
| 21 | Một số loại rau củ bé thích | 1 tuần ( từ 10/02/2025 đến 14/02/2025) |
| 22 | Hoa quả bé thích | 1 tuần ( từ 17/02/2025 đến 21/02/2025) |
| **7**  **8** | **Lễ hội xuân quê em** | | **1 tuần (từ 24/02/2025 đến 28/02/2025)** |
| 23 | Em yêu lễ hội xuân quê em | 1 tuần (từ 24/02/2025 đến 28/02/2025) |
| **8** | **Bé đi đường an toàn** | | **4 tuần ( từ 03/03/2025 đến 28/03/2025)** |
| 25 | Ngày hội 8-3. | 1 tuần (từ 03/03/2025 đến 07/03/2025) |
| 25 | Phương tiện giao thông đường bộ | 1 tuần ( từ 10/03/2025 đến 14/03/2025) |
| 26 | Phương tiện giao thông đường thủy | 1 tuần (từ 17/03/2025 đến 21/03/2025) |
| 27 | Phương tiện giao thông đường hàng không | 1 tuần (từ 24/03/2025 đến 28/03/2025) |
| **9** | **Nước và các hiện tượng tự nhiên.** | | **3 tuần ( từ 31/03/2025 đến 25/04/2025)** |
| 28 | Bé khám phá về nước | 1 tuần ( Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025) |
| 29 | Mùa hè | 1 tuần ( từ 07/04/2025 đến 11/04/2025) |
| 30 | Đất, đá, cát và sỏi | 1 tuần ( từ 14/04/2025 đến 18/04/2025) |
|  | Hiện tượng tự nhiên | 1 tuần ( từ 21/4/2025 đến 25/04/2025) |
| **10** | **Quê hương - Đất nước - Bác Hồ** | | **4 tuần ( Từ 28/04/2025 đến 23/05/2025)** |
| 32 | Đông Triều quê hương em. | 1 tuần ( từ 28/4/2025 đến 02/05/2025) |
| 33 | Đất nước Việt Nam diệu kì. | 1 tuần ( từ 05/05/2025 đến 09/05/2025) |
| 34 | Bác Hồ kính yêu | 1 tuần ( từ 12/05/2025 đến 16/05/2025) |
| 35 | Ngày quốc tế thiếu nhi (1-6) | 1 tuần ( từ 19/05/2025 đến 23/05/2025) |

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 của lớp mẫu giáo 3 tuổi A đã được tổ chuyên môn và nhà trường xác nhận, giáo viên nhóm lớp nghiêm túc thực hiện.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận của nhà trường**  **P. HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Huyền** | **Xác nhận của tổ Chuyên môn**  **TỔ TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Loan** | *Hồng Phong, ngày tháng năm 2024*  **Giáo viên thực hiện kế hoạch**  **Phạm Thị Hoa Trần Thị Thu** |